

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hùng Trí (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Tâm	Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên
Ông Fuco Rudyanto Chandra	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Võ Thăng Long	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Bà Võ Thị Thanh Trà	Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Giám đốc Điều hành
Ông Lâm Thái Bảo	Giám đốc Kinh doanh
Ông Trần Quốc Khôi	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Phan Quang Vinh	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong năm phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc năm 2015 phù hợp với Chuẩn mực Kết toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đại diện cho Hội đồng Quản trị

**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 443/DFK-HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

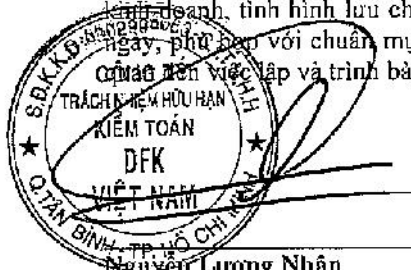
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân  
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT số 0458-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn  
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT  
số 0985-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN  
Đơn vị: VNĐ


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>279.451.927.236</b>	<b>232.936.395.582</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>47.496.625.362</b>	<b>10.179.519.631</b>
1. Tiền	111		47.496.625.362	10.179.519.631
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>111.255.611.609</b>	<b>74.351.126.824</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		73.525.976.602	51.448.190.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.109.104.402	12.306.228.949
3. Các khoản phải thu khác	136		31.808.625.507	19.782.233.030
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.188.094.902)	(9.185.525.328)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>111.463.507.542</b>	<b>141.336.943.231</b>
1. Hàng tồn kho	141		111.608.158.569	141.336.943.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(144.651.027)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>9.236.182.723</b>	<b>7.068.805.896</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		623.305.910	869.245.592
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.545.141.036	5.644.491.558
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		67.735.777	555.068.746
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>179.561.108.623</b>	<b>125.480.631.417</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>12.291.927.613</b>	<b>2.539.315.763</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		8.738.712.517	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		3.553.215.096	2.539.315.763
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>147.684.931.471</b>	<b>102.676.769.224</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	139.950.305.632	93.994.032.433
Nguyên giá	222		184.897.319.460	126.564.421.823
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.947.013.828)	(32.570.389.390)
2. Tài sản thuê tài chính	224	<b>9</b>	7.528.117.059	8.372.391.867
Nguyên giá	225		15.800.000.000	15.800.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.271.882.941)	(7.427.608.133)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	206.508.780	310.344.924
Nguyên giá	228		720.402.002	720.402.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(513.893.222)	(410.057.078)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>265.461.400</b>	<b>413.988.316</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.461.400	413.988.316
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>11.375.251.783</b>	<b>11.173.864.208</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>11</b>	1.375.251.783	1.173.864.208
2. Đầu tư dài hạn khác	253	<b>12</b>	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>7.943.536.356</b>	<b>8.676.693.906</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.659.277.903	3.351.223.324
2. Lợi thế thương mại	269		3.284.258.453	5.325.470.582
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>459.013.035.859</b>	<b>358.417.026.999</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



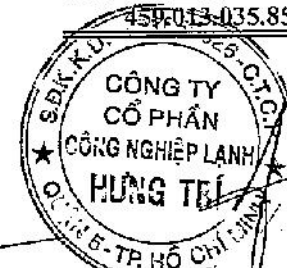
**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>258.321.701.889</b>	<b>201.817.281.332</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>237.130.875.823</b>	<b>187.655.818.332</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		53.485.287.916	53.525.714.891
2. Người mua trả tiền trước	312		85.238.175.170	40.936.208.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	5.018.583.792	1.453.597.778
4. Phải trả công nhân viên	314		196.200.000	196.200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.606.480.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.002.579.776	15.955.467.516
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	76.429.509.369	66.027.931.408
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	4.124.114.809	4.126.204.615
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9.029.944.991	5.434.494.006
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>21.190.826.066</b>	<b>14.161.463.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	21.190.826.066	14.161.463.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>200.691.333.970</b>	<b>156.599.745.667</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>200.691.333.970</b>	<b>156.599.745.667</b>
1. Vốn điều lệ	411	17	103.869.030.000	98.923.410.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		103.869.030.000	98.923.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.936.448.000	12.936.448.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.802.106.243	16.110.973.727
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		527.801.254	449.763.218
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		25.821.883.107	22.397.621.706
- LNST chưa phân phối đến c.kỳ trước	421a		5.867.588.756	4.815.695.633
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.954.294.351	17.581.926.073
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	19	37.734.065.366	5.781.529.016
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450</b>		<b>459.013.035.859</b>	<b>358.417.026.999</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC THẢNG**  
 Lập biểu  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**PHAN QUANG VINH**  
 Kế toán trưởng

**ĐẶNG ANH TÂM**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01		504.671.258.792	420.801.271.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.350.000	15.000.000
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	20	504.666.908.792	420.786.271.140
4. Giá vốn hàng bán	11	21	413.071.165.531	345.909.006.721
5. Lợi nhuận gộp	20		91.595.743.261	74.877.264.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	513.120.938	442.294.847
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	6.707.637.126	7.884.622.181
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		5.984.335.173	7.391.632.418
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	11	201.387.575	223.572.283
9. Chi phí bán hàng	25	24	6.177.440.192	6.389.448.588
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	45.339.557.714	38.814.490.731
11. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		34.085.616.742	22.454.570.049
12. Thu nhập khác	31		446.490.169	320.105.487
13. Chi phí khác	32		1.461.046.090	615.073.760
14. Lợi nhuận khác	40		(1.014.555.921)	(294.968.273)
15. Lãi kế toán trước thuế	50		33.071.060.821	22.159.601.776
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.598.173.127	3.995.662.862
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.472.887.694	18.163.938.914
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		26.581.054.835	17.581.926.073
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		891.832.859	582.012.841
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27		1.777



NGUYỄN THỊ NGỌC THẮNG  
Lập biểu  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016




PHAN QUANG VINH  
Kế toán trưởng

ĐẶNG ANH TÂM  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

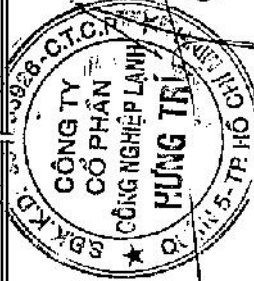
51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quý khác VNĐ	Quý Đầu tư & Phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Lợi ích của cổ đồng thiếu số VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2014	86.891.400.000	10.236.448.000	244.027.108	14.259.501.507	23.268.086.183	5.350.435.286	140.249.898.084
Tăng vốn trong năm	12.032.010.000	2.700.000.000	-	-	-	3.000.000.000	17.732.010.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	17.581.926.073	582.012.841	18.163.938.914
Trích quỹ	-	-	925.736.110	1.851.472.220	(2.777.208.330)	-	(1.851.472.220)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-
Chi từ quỹ	-	-	(720.000.000)	-	-	-	(720.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(13.033.710.000)	(321.228.920)	(13.354.938.920)
Tại ngày 31/12/2014	98.923.410.000	12.936.448.000	449.763.218	16.110.973.727	22.297.621.706	5.781.529.016	156.499.745.667
Tăng vốn trong năm	4.945.620.000	-	-	-	-	34.500.000.000	39.445.620.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	26.581.054.835	891.832.859	27.472.887.694
Trích quỹ	-	-	798.038.036	2.783.296.677	(3.581.334.713)	-	(3.045.425.771)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-
Chi từ quỹ	-	-	(720.000.000)	-	-	-	(720.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	907.835.839	(14.838.511.000)	(425.679.368)	(15.264.190.368)
Tại ngày 31/12/2015	103.869.030.000	12.936.448.000	527.801.254	19.802.106.248	25.821.883.107	37.734.065.366	200.691.333.970



*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN THỊ NGỌC THẮNG**

Lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**PHAN QUANG VINH**

Kế toán trưởng


**ĐẶNG ANH TÂM**

Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VNĐ  
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1, Lãi trước thuế	01	33.071.060.821	22.159.601.776
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.376.716.490	12.437.863.621
Các khoản dự phòng	03	1.596.662.444	2.169.492.199
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	78.564.475	(49.665.211)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.863.646.002	(139.151.637)
Chi phí lãi vay	06	5.984.335.173	7.391.632.418
Các khoản điều chỉnh khác	07	449.690.179	-
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.420.675.584	43.969.773.166
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(49.360.413.144)	11.538.527.305
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(20.266.270.966)	(24.068.169.329)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	30.566.173.294	32.344.566.872
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.062.114.897)	(1.031.883.136)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.984.335.173)	(7.391.632.418)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.195.663.526)	(5.694.191.000)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	1.838.532.369
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(9.658.596.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.118.051.172	41.846.927.180
<b>II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(10.155.050.431)	(25.726.993.036)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(201.387.575)	(14.911.287.248)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	194.759.263	139.151.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.161.678.743)	(37.499.128.647)
<b>III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	34.500.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	107.725.763.660	168.801.046.682
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.446.443.108)	(162.716.347.814)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.926.944.000)	(2.926.944.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.491.643.250)	(8.998.333.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.360.733.302	(5.840.578.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	37.317.105.731	(1.492.780.205)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.179.519.631	11.675.131.818
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	-	(2.831.982)
Tiền và tương đương tiền cuối năm		47.496.025.362	10.179.519.631

  
NGUYỄN THỊ NGỌC THĂNG  
Lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

  
PHAN QUANG VINH  
Kế toán trưởng

  
ĐẶNG ANH TÂM  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hùng Trí là một Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hùng Trí theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301055926 ngày 16 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

**Hoạt động chính**

Thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ máy móc, vật tư, thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, thiết bị môi trường, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ liên quan tới sản xuất (CPC 884 và 885). Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633). Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516). Dịch vụ sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (CPC 51641). Dịch vụ mắc và lắp ráp điện (CPC 516). Dịch vụ kho bãi (CPC 742). Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748). Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672). Thiết kế cơ điện công trình. Thiết kế thông gió, điều hòa không khí công trình công nghiệp./.

Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Stt	Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết t	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Hoàng Tầm	96,50%	100%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
2.	Công ty TNHH Kỹ thuật Công Trình Hùng Trí	95%	100%	Thi công các công trình kho lạnh
3.	Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hùng Trí	90%	100%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
4.	Công ty CP Kho vận Chuyên nghiệp ETC	49,66%	100%	Cho thuê kho lạnh
5.	Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	89,65%	90%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
6.	Công ty CP Máy và Thiết bị Kỹ thuật số	41,67%	100%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
7.	Công ty CP Maviflex Châu Á	24%	24%	Sản xuất cửa, vách ngăn kho lạnh

Trụ sở của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 93 người (năm 2014:102 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại để đảm bảo tính so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 9 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính (5 năm) tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.171.948.944	824.226.709
Tiền gửi ngân hàng	46.324.676.418	9.355.292.922
VNĐ	13.175.728.464	7.581.786.496
Ngoại tệ	33.148.947.954	1.773.506.426
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u>47.496.625.362</u>	<u>10.179.519.631</u>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng	(1) 73.525.976.602	51.448.190.173
Trả trước cho người bán	(2) 16.109.104.402	12.306.228.949
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-
Phải thu khác	(3) 31.808.625.507	19.782.233.030
	<u>121.443.706.511</u>	<u>83.536.652.152</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(10.188.094.902)	(9.185.525.328)
	<u>111.255.611.609</u>	<u>74.351.126.824</u>

**(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đại Dương	3.616.080.510	3.616.080.510
CV.MANDIRI MANTAP	852.238.133	1.363.469.424
Công Ty TNHH CJ CGV Việt Nam	6.174.762.297	17.325.266.353
NHTM Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	1.197.977.002	1.197.977.002
Công ty Cổ Phần Acecook Việt Nam	1.408.986.700	-
Bangladesh Machine Tools Factory Ltd.	23.505.392.200	-
Công ty TNHH Quản Lý Xây Dựng Vincom I	1.696.014.609	-
Các khách hàng khác	35.074.525.151	27.945.396.884
	<u>73.525.976.602</u>	<u>51.448.190.173</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

*(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:*

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
GEA Refrigeration (Thailand ) Co., Ltd	-	1.727.653.660
CTy Cổ Phần XNK và Thương Mại Hà Nội	4.359.288.823	4.359.288.823
CTy TNHH TMDV Phát Triển Hoàng Anh Hùng	1.278.800.000	1.278.800.000
CTy TNHH Giải Pháp Việt	512.418.000	512.418.000
Suzhou Doorhan Modern Metals & Materials Co., Ltd	1.402.792.117	-
Extruflex Asia Pacific Co., Ltd	1.360.714.607	-
Danfoss Industries Pte Ltd	520.402.121	-
Các khách hàng khác	6.674.688.734	4.428.068.466
	<u>16.109.104.402</u>	<u>12.306.228.949</u>

*(3) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:*

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu tạm ứng	42.300.000	-
Ký cược, ký quỹ (*)	9.653.400.771	2.247.492.767
Phải thu ngắn hạn khác (**)	22.112.924.736	17.534.740.263
	<u>31.808.625.507</u>	<u>19.782.233.030</u>

*(\*) Chi tiết ký cược, ký quỹ ngắn hạn*

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TMCP BIDV	9.217.518.211	2.222.492.767
Công ty Cổ phần Vĩnh Tường	340.882.560	-
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	95.000.000	25.000.000
	<u>9.653.400.771</u>	<u>2.247.492.767</u>

*(\*\*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác*

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty TNHH Huỳnh Gia Huỳnh Đệ	750.000.000	750.000.000
Công ty TNHH KM Phương Nam	6.228.597.283	6.228.597.283
Công ty TNHH Thủy sản Phú Thọ	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Thanh Khiết	1.438.589.273	2.350.000.000
Ngân hàng TMCP BIDV - CN Chợ Lớn	7.700.000.000	-
Phải thu của các đối tượng khác	765.688.180	2.976.092.980
	<u>22.112.924.736</u>	<u>17.534.740.263</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015	01/01/2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên vật liệu	36.079.804.784	34.976.270.275
Công cụ dụng cụ	-	26.251.500
Chi phí sản xuất dở dang	75.039.178.696	105.852.251.365
Thành phẩm	68.358.927	68.358.927
Hàng hóa	420.816.162	413.811.164
	<u>111.608.158.569</u>	<u>141.336.943.231</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(144.651.027)	-
	<u>111.463.507.542</u>	<u>141.336.943.231</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**MÁU B 09-DN**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 01/01/2015	106.007.741.276	14.487.065.997	4.412.732.185	1.656.882.365	-	126.564.421.823
Tăng	56.625.722.567	2.926.600.272	541.118.181	136.610.000	213.232.982	60.443.284.002
+ Mua trong năm	51.575.000.000	2.926.600.272	541.118.181	136.610.000	213.232.982	55.392.561.435
+ Tăng khác	5.050.722.567	-	-	-	-	5.050.722.567
Thanh lý	(27.272.727)	(2.044.000.000)	-	(17.363.638)	-	(2.061.363.638)
Giảm khác	(27.272.727)	-	-	(21.750.000)	-	(49.022.727)
Tại 31/12/2015	162.606.191.116	15.369.666.269	4.953.850.366	1.754.378.727	213.232.982	184.897.319.460

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2015	(21.802.091.637)	(6.866.819.792)	(2.996.050.389)	(905.427.572)	-	(32.570.389.390)
Khấu hao:	(10.423.006.500)	(1.396.304.925)	(379.753.474)	(220.402.085)	(9.138.554)	(12.428.605.538)
+ Trích trong năm	(10.423.006.500)	(1.396.304.925)	(379.753.474)	(220.402.085)	(9.138.554)	(12.428.605.538)
Thanh lý	12.867.462	-	-	39.113.638	-	51.981.100
Tại 31/12/2015	(32.212.230.675)	(8.263.124.717)	(3.375.803.863)	(1.086.716.019)	(9.138.554)	(44.947.013.828)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2015	84.205.649.639	7.620.246.205	1.416.681.796	751.454.793	-	93.994.032.433
Tại 31/12/2015	130.393.960.441	7.106.541.552	1.578.046.503	667.662.708	204.094.428	139.950.305.632

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.738.856.470 VNĐ (31/12/2014: 1.703.935.870 VNĐ)

Công ty đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

+ 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 13.133.545.662 VNĐ (31/12/2014: 13.606.768.830 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 14 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Công ty TNHH Hoàng Tâm;

+ 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.407.454.840 VNĐ (31/12/2014: 9.262.839.576 VNĐ) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 16 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Máy móc thiết bị

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VNĐ</b>
Tại ngày 01/01/2015	15.800.000.000
Tăng	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>15.800.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	(7.427.608.133)
Khấu hao trong năm	(844.274.808)
Phân loại lại	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>(8.271.882.941)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2015	<u>8.372.391.867</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>7.528.117.059</u>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Bản quyền phần mềm

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VNĐ</b>
Tại 01/01/2015	720.402.002
Tăng trong năm	-
Tăng khác	-
Tại 31/12/2015	<u>720.402.002</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại 01/01/2015	(410.057.078)
Khấu hao trong năm	(103.836.144)
Tăng khác	-
Tại 31/12/2015	<u>(513.893.222)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại 01/01/2015	<u>310.344.924</u>
Tại 31/12/2015	<u>206.508.780</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2015	01/01/2015
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á</b>	1.375.251.783	1.173.864.208
<i>Giá trị đầu tư</i>	1.014.240.000	1.014.240.000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trực cổ tức được chia</i>	361.011.783	159.624.208
	<u>1.375.251.783</u>	<u>1.173.864.208</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á</b>		
Tổng tài sản	12.701.757.733	8.099.761.203
Tổng công nợ	6.994.644.442	3.228.379.755
Tài sản thuần	5.707.113.291	4.871.381.448
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>1.375.251.783</u>	<u>1.173.864.208</u>
	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu	10.114.133.418	9.394.758.426
Lợi nhuận thuần	835.731.842	927.795.450
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>201.387.575</u>	<u>223.572.283</u>

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản An Phú	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty này, do đó khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	1.513.261.384	395.061.531
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.317.523.607	876.496.462
Thuế Thu nhập cá nhân	78.249.601	72.490.585
Các loại thuế khác	109.549.200	109.549.200
	<u>5.018.583.792</u>	<u>1.453.597.778</u>

**14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	31.167.191.844	30.509.304.192
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	39.318.177.525	19.773.181.413
Công ty TNHH Tin học Anh Quân	-	3.210.000.000
Bên liên quan	-	2.610.853.803
Các cá nhân	-	3.493.644.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.944.140.000	6.430.948.000
	<u>76.429.509.369</u>	<u>66.027.931.408</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**15. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

**16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	3.384.000.000	4.888.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	4.833.323.000	6.833.327.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	-	2.440.136.000
Vay các cá nhân	12.973.503.066	-
	<b>21.190.826.066</b>	<b>14.161.463.000</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	5.944.140.000	6.430.948.000
Trong năm thứ hai	19.310.826.066	5.944.140.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.880.000.000	8.217.323.000
Sau năm năm	-	-
	<b>27.134.966.066</b>	<b>20.592.411.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<b>(5.944.140.000)</b>	<b>(6.430.948.000)</b>
Số phải trả sau 12 tháng	<b>21.190.826.066</b>	<b>14.161.463.000</b>

**17. VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty 103.869.030.000 VNĐ (năm 2014: 98.923.410.000 VNĐ). Tại ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy Đăng ký		Vốn thực góp			
	Kinh doanh		31/12/2015		01/01/2015	
	VND	%	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Bá Trí	29.536.160.000	28,44	29.536.160.000	28,44	29.129.680.000	29,45
Ông Đặng Anh Tâm	8.346.360.000	8,04	8.346.360.000	8,04	7.918.920.000	8,01
Ông Bùi Quốc Hưng	13.454.630.000	12,95	13.454.630.000	12,95	12.813.940.000	12,95
Các cổ đông khác	52.531.880.000	50,58	52.531.880.000	50,58	49.060.870.000	49,59
	<b>103.869.030.000</b>	<b>100</b>	<b>103.869.030.000</b>	<b>100</b>	<b>98.923.410.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**18. CỐ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	2015	2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Cố tức</b>		
Cố tức năm trước chỉ bằng tiền	9.892.891.000	8.689.140.000
Cố tức năm trước bằng cổ phiếu	4.945.620.000	4.344.570.000
	<u><b>14.838.511.000</b></u>	<u><b>13.033.710.000</b></u>
	31/12/2015	01/01/2015
<b>Cổ phiếu</b>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.892.341	9.892.341
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.386.903	9.892.341
- Cổ phiếu phổ thông	10.386.903	9.892.341
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.386.903	9.892.341
- Cổ phiếu phổ thông	10.386.903	9.892.341
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

**19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	5.781.529.016	5.350.435.286
Vốn điều lệ góp bởi các cổ đông không kiểm soát	34.500.000.000	3.000.000.000
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	891.832.859	582.012.841
Cố tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(425.679.368)	(321.228.920)
Các điều chỉnh khác	(3.013.617.141)	(2.829.690.191)
Tại ngày 31 tháng 12	<u><b>37.734.065.366</b></u>	<u><b>5.781.529.016</b></u>

**20. DOANH THU**

	2015	2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu công trình	382.628.644.753	338.244.354.157
- Doanh thu bán hàng hóa	87.826.851.209	63.739.167.402
- Doanh thu dịch vụ	34.215.762.830	18.817.749.581
	<u><b>504.671.258.792</b></u>	<u><b>420.801.271.140</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
- Hàng bán bị trả lại	(4.350.000)	(15.000.000)
	<u><b>504.666.908.792</b></u>	<u><b>420.786.271.140</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bao gồm:		
- Giá vốn các công trình	343.236.987.084	320.286.890.524
- Giá vốn hàng hóa đã bán	61.648.199.527	17.319.217.558
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.185.978.920	8.302.898.639
	<u><b>413.071.165.531</b></u>	<u><b>345.909.006.721</b></u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	194.759.263	139.151.637
Khác	318.361.675	303.143.210
	<u><b>513.120.938</b></u>	<u><b>442.294.847</b></u>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.984.335.173	7.391.632.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	723.301.953	490.157.781
Khác	-	2.831.982
	<u><b>6.707.637.126</b></u>	<u><b>7.884.622.181</b></u>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	3.282.665.582	2.936.548.048
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	604.453.030	689.108.525
Chi phí khấu hao	9.119.997	1.615.376.567
Chi phí bảo hành	1.593.101.264	538.172.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.993.514	442.157.956
Chi phí khác bằng tiền	103.106.805	168.085.385
	<u><b>6.177.440.192</b></u>	<u><b>6.389.448.588</b></u>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	19.099.271.082	15.867.820.870
Chi phí dự phòng	1.014.229.574	2.169.492.199
Chi phí đồ dùng văn phòng	636.821.100	789.074.979
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.713.963.315	1.513.335.538
Thuế, phí và lệ phí	2.194.830.296	508.835.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.154.523.595	6.399.414.883
Chi phí khác	17.076.228.573	11.253.254.110
Lợi thế thương mại	449.690.179	313.262.975
	<u><b>45.339.557.714</b></u>	<u><b>38.814.490.731</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>33.071.060.821</b>	<b>22.159.601.776</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	-
Lãi của các công ty liên kết	(201.387.575)	(223.572.283)
Chuyển lỗ năm trước ở công ty con	(2.258.377.768)	(211.094.730)
Cộng: Lỗ của các công ty con	1.446.369.846	217.435.872
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.301.514.157	1.097.395.888
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	2.086.094.957
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>33.359.179.481</b>	<b>25.125.861.480</b>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	6.588.546.124	4.763.933.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(990.372.997)	(768.270.306)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.598.173.127</b>	<b>3.995.662.862</b>

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH Hoàng Tâm có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2006) và được giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Công ty CP Kho vận Chuyên nghiệp ETC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm 2005, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2008) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.581.054.835	17.581.926.073
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.581.054.835	17.581.926.073
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.220.242	9.892.341
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.601</b>	<b>1.777</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nguyên vật liệu	454.695.189.335	367.857.653.465
Chi phí nhân công	57.076.092.587	45.467.937.869
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.376.716.490	12.273.213.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.286.245.225	66.475.666.845
Chi phí khác	23.859.132.429	17.302.369.013
	<b>599.293.376.066</b>	<b>509.376.841.077</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Quang Minh, Thành phố Hà Nội và thuê máy móc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	870.734.808	844.274.808
Trong năm thứ hai	885.728.808	859.268.808
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.588.779.232	949.232.808
Sau năm năm	4.087.994.190	1.803.890.808
	<u>9.433.237.038</u>	<u>4.456.667.232</u>

**30. THÔNG TIN SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại và trình bày lại nhằm đảm bảo tính so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**NGUYỄN THỊ NGỌC THĂNG**

Lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



**PHAN QUANG VINH**

Kế toán trưởng



**ĐẶNG ANH TÂM**

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**  
51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

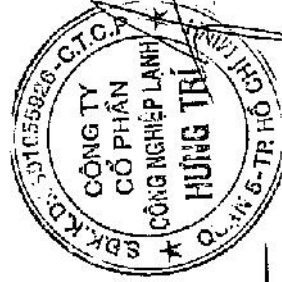
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

MẪU B 09-DN

**THÔNG TIN THÊM:**

**I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015**

CHỈ TIÊU	NĂM 2015								
	HƯNG TRÍ CP	NLX	KTCI	ETC	HOÀNG TÂM	BA HUÂN	DEM	MAVIFLEX	TỔNG CỘNG
1. Lợi nhuận sau thuế chính IIN	10.348.696.785	367.480.600	4.534.476.775	4.646.832.445	7.395.685.858	(1.446.414.141)	1.424.741.797	201.387.575	27.472.887.694
2. Phân chia lợi nhuận:									
2.1 Công ty mẹ	10.348.696.785	330.732.540	4.307.752.936	4.208.371.842	7.136.836.853	(1.296.710.277)	1.343.986.581	201.387.575	26.581.054.835
2.2 Cổ đông không kiểm soát	-	36.748.060	226.723.839	438.460.603	258.849.005	(149.703.864)	80.755.216	-	891.832.859



**NGUYỄN THỊ NGỌC THĂNG**  
Lập biểu  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**PHAN QUANG VINH**  
Kế toán trưởng

**ĐẶNG ANH TÂM**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

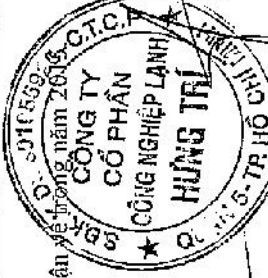
**THÔNG TIN THÊM:**

**II - BẢNG PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2015**

CHỈ TIÊU	NĂM 2015							TỔNG CỘNG
	HƯNG TRÍ CP	NLX	KTCT	ETC	HOÀNG TÂM	BA HUÂN	DEM	
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.348.696.785	-	4.534.476.775	-	7.395.685.858	-	-	22.278.859.418
2. Phần trích các quỹ	-	-	680.171.517	-	739.568.586	-	-	1.419.740.103
3. Lợi nhuận sau khi trích quỹ	10.348.696.785	-	3.854.305.258	-	6.656.117.272	-	-	20.859.119.315
4. Phân chia lợi nhuận:								
4.1 Công ty mẹ	10.348.696.785	-	3.661.589.995	-	6.423.153.167	-	-	20.433.439.947
4.2 Cổ đông thiểu số	-	-	192.715.263	-	232.964.105	-	-	425.679.368

Ghi chú:

- 1/ NLX Hưng Trí, ETC và DEM chưa chuyển lợi nhuận về trong năm 2015.
- 2/ Ba Huân vẫn còn bị lỗ.



*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN THỊ NGỌC THANG**

Lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**PHAN QUANG VINH**

Kế toán trưởng

**ĐẶNG ANH TÂM**

Tổng Giám đốc